

XU HƯỚNG DỊCH CHUYỂN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀ XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ TẠI VIỆT NAM

Phan Thế Công^{1*}, Nguyễn Đoan Trang², Vũ Thị Hạnh Tâm³

¹Trường Đại học Thương mại

²Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

³Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

*Tác giả liên hệ: Phan Thế Công, email: congpt@tmu.edu.vn

THÔNG TIN CHUNG

Ngày nhận bài: 01/11/2023

Ngày nhận bài sửa: 04/12/2023

Ngày duyệt đăng: 08/12/2023

TỪ KHOÁ

Chuỗi cung ứng;

Nền kinh tế độc lập tự chủ;

Phụ thuộc FDI.

TÓM TẮT

Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu sau đại dịch COVID-19 và các biến động địa chính trị thế giới thời gian gần đây mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội trong việc tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Điều này sẽ góp phần nâng cao năng lực công nghệ và năng lực sản xuất trong nước, củng cố chuỗi cung ứng của một số ngành công nghiệp chủ chốt, nhưng cũng gây rủi ro đối với việc duy trì tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế trong nước và tăng khả năng dễ bị tổn thương hơn trước các biến động của chuỗi cung ứng toàn cầu. Bài viết tập trung làm rõ những tác động của sự dịch chuyển FDI tới năng lực tự chủ của Việt Nam, dự báo về xu thế dịch chuyển của chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng tới khả năng độc lập, tự chủ, nâng cao tính chống chịu của nền kinh tế nước ta. Trên cơ sở đó sẽ đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ.

1. GIỚI THIỆU

Những năm qua, Việt Nam được hưởng lợi từ thương mại quốc tế và FDI (*FDI-đầu tư trực tiếp nước ngoài, có thể được hiểu là việc một tổ chức hoặc cá nhân từ một quốc gia đầu tư vào một quốc gia bằng cách thiết lập cơ sở sản xuất, kinh doanh và nắm quyền quản lý đối với doanh nghiệp/dự án tại quốc gia mà họ đi đầu tư*) nhờ nguồn vốn đa dạng cho phát triển kinh tế, tạo việc làm, thúc đẩy cải thiện tay nghề và thu nhập cho người lao động, đóng góp vào tăng thu ngân sách nhà nước từ thuế. Các dự án FDI cũng giúp nâng cao năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh cho Việt Nam, tạo ra tác động lan tỏa về công nghệ,

giúp Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Mặc dù vậy, việc phụ thuộc quá nhiều vào xuất khẩu (XK) của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cũng tạo ra nhiều thách thức, rủi ro đối với nền kinh tế.

Dựa trên “nguyên lý phụ thuộc” do Jason Loh (EMIR Research) đưa ra, các quốc gia không nên phụ thuộc quá nhiều vào một quốc gia khác (như Trung Quốc) hay phụ thuộc quá nhiều vào FDI, vì quốc gia phụ thuộc sẽ đóng vai trò bên lề trong khi quốc gia còn lại sẽ là quốc gia cốt lõi, và nguồn lực sẽ mất dần từ quốc gia này sang quốc gia kia. Theo chuyên gia kinh tế Ngô Trí Long¹, tốc độ tăng trưởng kinh tế phụ thuộc nhiều

¹ Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu thị trường và giá cả.

vào khối doanh nghiệp FDI sẽ khiến nền kinh tế mất tự chủ và nội lực ngày càng trở nên suy yếu. Do vậy, Việt Nam cần tìm cách giảm phụ thuộc quá mức vào FDI hoặc khắc phục những điểm yếu gây ra bởi sự phụ thuộc đó. Đây là giải pháp cần thiết giúp Việt Nam tiếp tục tăng trưởng dựa vào FDI và XK, trong khi nền kinh tế có thể trở nên tự chủ hơn và tăng cường khả năng chống chịu trước các cú sốc bên ngoài.

Việc Việt Nam phụ thuộc quá nhiều vào XK từ các doanh nghiệp FDI đã tạo ra những lo ngại cho các nhà hoạch định chính sách và các chuyên gia. Theo TS Vũ Thành Tự Anh “Cơ cấu kinh tế phụ thuộc nhiều vào nhu cầu từ bên ngoài và năng lực XK của khu vực FDI khiến nền kinh tế của Việt Nam dễ bị tổn thương trước khủng hoảng toàn cầu”.

Điểm yếu này của Việt Nam được bộc lộ rõ hơn trong và sau thời kỳ đại dịch COVID-19. Nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu chủ chốt yếu đi đã khiến cho nhiều doanh nghiệp FDI phải cắt giảm sản xuất và sa thải nhân công, nhất là những lĩnh vực thâm dụng lao động như dệt may, da giày. Bên cạnh đó, xu hướng dòng vốn dịch chuyển khỏi Trung Quốc trong thời gian qua cũng là bài học đáng chú ý, nếu như trong tương lai Việt Nam mất đi những lợi thế hiện có để thu hút đầu tư và chuỗi cung ứng toàn cầu. Chi phí lao động của Việt Nam đang ngày càng tăng cao, lợi thế trong các ngành thâm dụng lao động đang giảm dần, trong khi các đối thủ cạnh tranh như Ấn Độ, Bangladesh, châu Phi, Trung Mỹ đang ngày càng cạnh tranh hơn. Do vậy rủi ro các công ty nước ngoài rời khỏi Việt Nam để đầu tư sang các nước khác có chi phí lao động thấp hơn là khó tránh khỏi.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Nghiên cứu này được dựa trên nguyên lý về sự phụ thuộc. Trong khi lý thuyết cổ điển cho rằng vốn FDI hoàn toàn có lợi cho nước nhận đầu tư, lý thuyết phụ thuộc cho rằng nước sở tại không thể đạt được sự phát triển trừ khi nước đó thoát khỏi sự phụ thuộc vào đầu tư nước ngoài. Các lý thuyết kinh tế mâu thuẫn nhau đã có tác động nhất định đến việc trình bày rõ ràng các

nguyên tắc pháp lý và cần phải hiểu rõ các lý thuyết này.

Makoni (2015) chỉ ra rằng các lý thuyết FDI kinh tế vĩ mô nhấn mạnh đến các yếu tố đặc thù của quốc gia và phù hợp hơn với thương mại quốc tế và kinh tế quốc tế, trong khi các lý thuyết FDI kinh tế vi mô mang tính đặc thù của doanh nghiệp, liên quan đến quyền sở hữu và lợi ích nội bộ hóa, thiên về kinh tế công nghiệp, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo. Mặt khác, các lý thuyết trên về FDI được chia thành ba trường phái. Hai trường phái đầu tiên gồm các trường phái truyền thống về tư duy phát triển và các trường phái về phụ thuộc, trường phái thứ ba là trường phái tích hợp được gọi là quan điểm kinh tế phê phán (Jebessa, 2017; Wilhelms, 1998).

Lý thuyết kinh tế cổ điển về FDI cho rằng: FDI hoàn toàn có lợi cho nền kinh tế của nước nhận đầu tư. FDI giúp đảm bảo nguồn vốn sẵn có trong nước có thể được chuyển sang các mục đích sử dụng khác vì lợi ích công cộng (Solow, 1956). Nhà đầu tư nước ngoài thường mang theo công nghệ của mình và điều này dẫn đến sự phổ biến công nghệ trong lực lượng lao động sở tại được tuyển dụng sẽ tiếp thu các kỹ năng mới liên quan đến công nghệ do nhà đầu tư nước ngoài giới thiệu, kèm theo đó là chuyển giao kỹ năng quản lý trong các dự án lớn (Sornarajah, 2004; Rostow, 1995). Cơ sở hạ tầng sẽ được nhà đầu tư nước ngoài hoặc nhà nước xây dựng và những cơ sở hạ tầng này sẽ mang lại lợi ích chung cho nền kinh tế. Việc nâng cấp cơ sở vật chất như giao thông, y tế giáo dục vì lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài cũng sẽ mang lại lợi ích cho toàn xã hội (Legese, 2019).

Theo quan điểm cổ điển về FDI, tiềm năng lan tỏa công nghệ từ FDI là ngoại tác tích cực của FDI mà nước nhận đầu tư hy vọng được hưởng lợi. Blomström và Kokko (2003) cho rằng khả năng lan tỏa công nghệ là một trong những lý do chính khiến chính phủ nước sở tại cố gắng thu hút dòng vốn FDI. Tác động của dòng vốn FDI tới nước sở tại được phản ánh qua tăng trưởng kinh tế. Dựa trên điều này, ông khẳng định rằng sự lan tỏa công nghệ mang lại

tiềm năng mạnh mẽ nhất cho FDI nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của nước nhận đầu tư (Andreas J. và Jonkoping 2005).

Trái lại, lý thuyết phụ thuộc cho rằng đầu tư nước ngoài sẽ không mang lại sự phát triển kinh tế có ý nghĩa (Dixon và Boswell, 1996). Lý thuyết này được phổ biến bởi các nhà kinh tế và triết gia chính trị Mỹ Latinh (Haggard, 1989), tập trung vào việc hầu hết đầu tư được thực hiện bởi các tập đoàn đa quốc gia có trụ sở chính tại các quốc gia phát triển và đầu tư vào các quốc gia đang phát triển thông qua các công ty con. Lý thuyết này cho rằng công ty đa quốc gia đưa ra chính sách toàn cầu vì lợi ích của công ty mẹ và các cổ đông ở nước sở tại. Kết quả là, các tập đoàn đa quốc gia đến để phục vụ lợi ích của các quốc gia phát triển nơi họ đặt trụ sở chính (Getahun, 2014).

Nguyen, H.V. và cộng sự (2019) cho rằng, ngoài những tác động tích cực, FDI có thể có tác động tiêu cực đến sự bền vững của các nước và các tỉnh sở tại. Các nước nhận đầu tư có nguy cơ tiếp nhận công nghệ lạc hậu do doanh nghiệp nước ngoài thường chuyển giao công nghệ, thiết bị lạc hậu để đổi mới sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm tại nước mình. Ngoài ra, FDI thường được thực hiện chủ yếu bởi các doanh nghiệp xuyên quốc gia. Điều này làm dấy lên lo ngại rằng các doanh nghiệp này sẽ làm tăng sự phụ thuộc của nước sở tại, nơi tiếp nhận vốn, công nghệ và mạng lưới người mua và người bán sẵn có. Vì vậy, cùng với việc tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn, điều cần thiết là Chính phủ và chính quyền các tỉnh cần tập trung lựa chọn đối tác, dự án phù hợp với sự phát triển bền vững lâu dài của đất nước.

3. XU HƯỚNG PHỤ THUỘC FDI TẠI VIỆT NAM

3.1. Xu hướng phụ thuộc theo đối tác

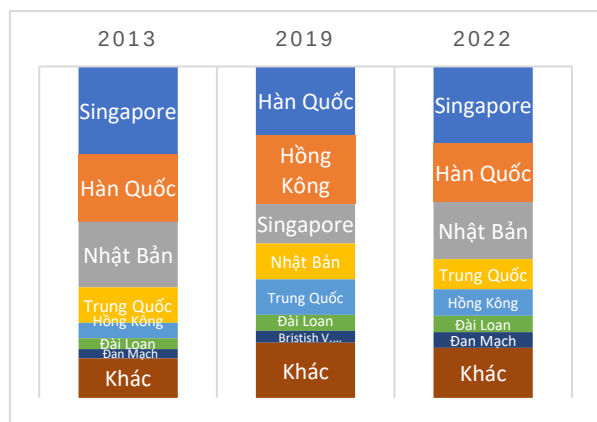
Trong những năm qua, mặc dù đã có nhiều nỗ lực đa dạng hóa đối tác đầu tư, nhưng nguồn

vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam hiện vẫn tập trung chủ yếu ở các nước Đông Á (chiếm tới 77% vốn FDI lũy kế vào Việt Nam năm 2022), tiếp đến là EU 6,8%, các đảo quốc British Virgin Islands 5,1%, Mỹ 2,6%. Tốp 6 đối tác đầu tư lớn nhất vào Việt Nam cũng là các nước/nền kinh tế Đông Á và không thay đổi nhiều qua các năm, trong đó Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore là ba đối tác dẫn đầu với tỉ lệ 18,5%, 16,1% và 15,7% tổng vốn FDI lũy kế vào Việt Nam đến hết năm 2022.

Trong số các nhà đầu tư Đông Á, Samsung là nhà đầu tư lớn nhất của Việt Nam với cả về vốn đầu tư (lũy kế 17 tỷ USD) cũng như sử dụng lao động (hơn 110 ngàn người). Đặc biệt, doanh thu của Samsung chiếm tới 26% GDP của Việt Nam, trong khi xuất khẩu chiếm 19,4% tổng kim ngạch XK năm 2019. Đây là ví dụ điển hình nhất về sự phụ thuộc của Việt Nam vào FDI và XK.

Việc Việt Nam phụ thuộc nhiều vào các nhà đầu tư đến từ Đông Á xuất phát từ một số nguyên nhân: *Thứ nhất* là sự tham gia sâu của Việt Nam vào chuỗi cung ứng khu vực, đặc biệt trong các ngành điện tử, dệt may, ô tô; *Thứ hai* là sự gần gũi về địa lý giúp cho việc di chuyển hàng hóa, tư liệu sản xuất và nhân lực được thực hiện dễ dàng hơn; *Thứ ba* là sự tương đồng về văn hóa giữa Việt Nam với các nước trong khu vực; *Thứ tư* là quá trình hội nhập khu vực ngày càng được tăng cường. Cùng với sự ra đời của các hiệp định thương mại tự do trong khuôn khổ ASEAN+1, ASEAN+3 và mới đây là Hiệp định đối tác toàn diện khu vực RCEP, sự phụ thuộc của Việt Nam vào các nước Đông Á dự báo vẫn tiếp tục duy trì.

Tuy nhiên, phụ thuộc vào FDI cũng đem lại những rủi ro lớn cho nền kinh tế Việt Nam khi các nhà đầu tư lớn như tập đoàn Samsung có kế hoạch rời đi sang các nước khác, hoặc giảm quy mô đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Điều đó cho thấy phụ thuộc vào XK và FDI sẽ khiến cho Việt Nam trở nên dễ bị tổn thương trước các cú sốc bên ngoài.

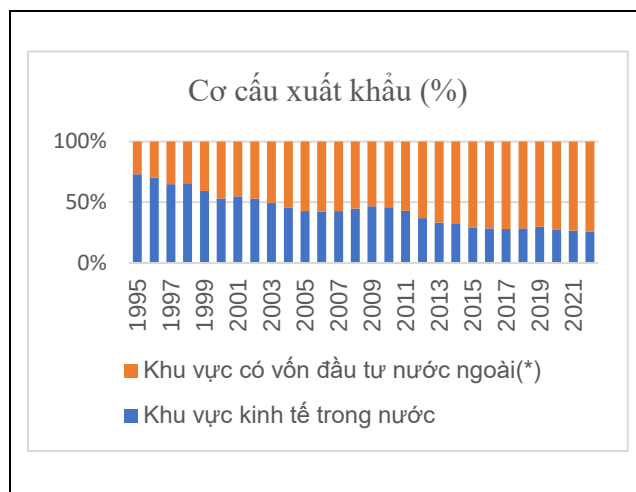


Hình 1: Cơ cấu đầu tư FDI vào Việt Nam theo đối tác (%)

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3.2. Xu hướng phụ thuộc theo ngành

Nền kinh tế Việt Nam đang phụ thuộc rất lớn vào khu vực FDI ở những ngành XK chủ lực. Dù chỉ chiếm khoảng trên 20% GDP của Việt Nam, các công ty FDI đã đóng góp tới 74% tổng kim ngạch XK của Việt Nam trong năm 2022. Đáng lo ngại hơn là tỉ lệ này vẫn có xu hướng tăng trong những năm gần đây. Khu vực đầu tư nước ngoài không chỉ dẫn đầu về XK ở tỷ trọng chung, mà cả những ngành xuất khẩu chủ lực. Theo Báo cáo xuất - nhập khẩu Việt Nam năm 2022 (Bộ Công thương), khu vực FDI chiếm tới 99,67% xuất khẩu điện thoại và linh kiện (trong đó xuất khẩu điện thoại Samsung chiếm 95% tổng kim ngạch XK điện thoại nguyên chiếc của cả nước); chiếm 98,31% xuất khẩu SP điện tử, máy tính và linh kiện; 93% sản phẩm máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng, và 68,11% sản phẩm nhựa. Tỉ lệ này đối với ngành giấy dếp và dệt may cũng lên tới 81,9% và 62,5% tổng XK (số liệu quý I/2021).

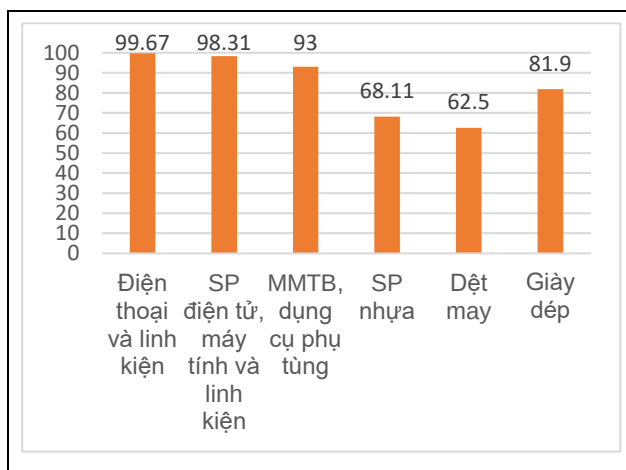


Hình 2. Tỷ lệ xuất khẩu của khối FDI trong tổng xuất khẩu

Nguồn: Tính toán theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài.

Theo báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương, hiện nay, trong cơ cấu kinh tế của Việt Nam, khu vực đầu tư nước ngoài dù chiếm tỷ trọng lớn trong GDP, xuất khẩu và sản lượng công nghiệp, nhưng tạo ra hiệu ứng lan tỏa thấp đối với nền kinh tế trong nước. Khu vực đầu tư nước ngoài cũng đang chi phối tới 4/5 ngành xuất khẩu lớn nhất của khu vực chế biến chế tạo, gồm dệt may, da giày, điện tử, sản xuất đồ gỗ, cao su-nhựa, kim loại cơ bản và các sản phẩm cơ khí.

Theo Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2022 (Bộ Công thương), với mặt hàng *điện thoại và linh kiện*, khu vực FDI chiếm tới 99,67% (trong đó XK điện thoại Samsung chiếm 95% tổng kim ngạch XK điện thoại nguyên chiếc của cả nước); *sản phẩm điện tử, máy tính và linh kiện* chiếm 98,31%; *máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng* là 93%, *sản phẩm nhựa* chiếm 68,11% năm 2022. Trong ngành *giấy dếp và dệt may*, khối FDI cũng chiếm tương ứng 81,9% và 62,5% tổng XK (số liệu quý I/2021).



Hình 3. Tỷ trọng của khu vực FDI trong tổng xuất khẩu theo ngành

Nguồn: Báo cáo xuất nhập khẩu năm 2022 của Bộ Công Thương.

Một vấn đề đáng lưu ý khác là các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam chủ yếu nhập khẩu đầu vào để sản xuất, tạo ra hiệu ứng lan tỏa thấp tới nền kinh tế. Một số nguyên nhân có thể chỉ ra bao gồm: ngành công nghiệp phụ trợ trong nước chưa phát triển, năng lực tài chính và công nghệ của các doanh nghiệp trong nước còn thấp, chất lượng sản phẩm không đáp ứng yêu cầu của các đối tác nước ngoài. Do vậy, Việt Nam khó có thể thành công trong việc thực hiện mục tiêu, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nếu chỉ dựa vào đầu tư nước ngoài. Cần phát triển khu vực doanh nghiệp trong nước vững mạnh để tạo ra nội lực và năng lực tự chủ của nền kinh tế, giúp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu hiệu quả hơn và thành công hơn trong hội nhập quốc tế.

4. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG TÁC ĐỘNG CỦA PHỤ THUỘC FDI TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hàm sản xuất để đánh giá tác động của sự phụ thuộc vào

FDI tới năng suất lao động của khu vực tư nhân trong nước (phản ánh hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong dài hạn, hay năng lực tự chủ của nền kinh tế). Trong đó, năng suất lao động của khu vực tư nhân trong nước phụ thuộc vào các yếu tố chất lượng lao động và chất lượng vốn như tỉ lệ lao động đã qua đào tạo, chi NSNN cho R&D. Bên cạnh đó, biến tổng giá trị XK và tỉ lệ XK của khu vực FDI được lựa chọn để đại diện cho sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi cung ứng, dựa trên nghiên cứu của Alistair Dieppe và cộng sự (2021) về các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng năng suất trong dài hạn của các quốc gia trong các giai đoạn khác nhau (trước và sau khủng hoảng tài chính toàn cầu) gồm tăng đầu tư vào vốn vật chất, vốn con người, đổi mới sáng tạo, thể chế, thay đổi nhân khẩu học và tham gia vào chuỗi cung ứng. Biến tỉ lệ XK của khu vực FDI trong tổng XK cũng đo lường sự phụ thuộc của Việt Nam vào khu vực FDI, do tăng trưởng kinh tế của Việt Nam phụ thuộc nhiều vào XK của khu vực FDI.

4.2. Mô tả số liệu

Mô hình sử dụng các chỉ tiêu số liệu thống kê của GSO đã công bố trên website chính thức, giai đoạn 2007-2022 (gồm tổng sản phẩm trong nước của khu vực kinh tế ngoài nhà nước, số lao động có việc làm của khu vực kinh tế ngoài nhà nước, tổng giá trị XK, giá trị XK của khu vực FDI, chi NSNN cho R&D, tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo). Trong đó, biến NSLĐ của khu vực tư nhân trong nước được tính bằng cách chia tổng sản phẩm trong nước của khu vực kinh tế ngoài nhà nước cho số lao động có việc làm của khu vực kinh tế ngoài nhà nước và biến tỉ lệ XK của khu vực FDI được đo bằng giá trị XK của khu vực FDI chia cho tổng giá trị XK. Các biến đo bằng giá hiện hành được quy đổi về giá cố định 2010. Các biến phụ thuộc và biến giải thích được mô tả như sau:

Bảng 1. Tóm tắt các biến

Tên biến	Loại biến	Giải thích
domestic_prod	Biến phụ thuộc	NSLĐ của khu vực tư nhân trong nước (triệu đồng/người)
total_export	Biến độc lập	Tổng xuất khẩu (triệu USD)
trained_labor	Biến độc lập	Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo (%)
r&d_expenditure	Biến độc lập	Chi NSNN cho KH,CN (tỷ đồng)
share_export_fdi	Biến độc lập	Tỉ lệ giá trị XK của khu vực FDI trong tổng XK (%)

Thông kê mô tả các biến được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 2. Thông kê mô tả các biến

Variable	Obs	Mean	Std. dev.	Min	Max
domestic_prod	16	42.28892	14.12455	22.56719	65.79965
total_export	16	59719.06	16242.71	26939	76859
trained_labor	16	20.8025	4.823419	14.1	28.64
r&d_expenditure	16	8137.875	3059.15	3191	12426
share_export_fdi	16	65.59375	7.690815	53.2	74.3

4.3. Phân tích kết quả

Kết quả phân tích định lượng sử dụng phương pháp hồi quy đa biến ở Bảng 3 cho thấy, các biến giá trị XK, tỉ lệ lao động đã qua đào tạo và chi NSNN cho R&D có tác động tích cực tới

năng suất lao động của khu vực tư nhân trong nước. Điều này phù hợp với các lý thuyết kinh tế và thực tế cho rằng sự tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, lao động chất lượng cao và đầu tư khoa học công nghệ có tác động tích cực đến tăng năng suất.

Bảng 3. Kết quả hồi quy tác động của phụ thuộc FDI tới tăng năng suất lao động của khu vực tư nhân trong nước

VARIABLES	ln_domestic_prod
ln_total_export	0.388** (0.127)
ln_trained_labor	1.372*** (0.235)
ln_rd_expenditure	0.223** (0.0969)
ln_share_export_fdi	-1.566** (0.549)
Constant	-0.0574 (0.557)
Observations	16
R-squared	0.976

Standard errors in parentheses

*** p<0.01, ** p<0.05, * p<0.1

Trong khi đó, biến tỉ lệ XK của khu vực FDI trong tổng XK có tác động tiêu cực, cho thấy việc phụ thuộc vào XK của khu vực FDI có tác động ngược chiều tới tăng trưởng năng suất của khu vực kinh tế tư nhân trong nước, hay năng lực tự chủ của nền kinh tế. Điều này có thể giải thích do

FDI vào Việt Nam chủ yếu tập trung vào các hoạt động sử dụng nhiều lao động, theo đó hoạt động XK của các doanh nghiệp FDI chủ yếu dựa trên nhập khẩu đầu vào trung gian thay vì sử dụng nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp trong nước, do vậy không chỉ giá trị gia tăng mang lại thấp mà hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp FDI còn gây cạnh tranh về nguồn lực (lao động, đất đai) với các doanh nghiệp trong nước. Do vậy, để tăng cường năng lực tự chủ của nền kinh tế, cần tăng tỉ lệ đóng góp của khu vực tư nhân trong nước vào tổng XK của cả nước, đặc biệt là những ngành chủ chốt như điện tử và linh kiện, dệt may, MMTB, hóa chất.

5. ẢNH HƯỞNG CỦA FDI TỚI TÍNH ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ CỦA VIỆT NAM

5.1. Những cơ hội của FDI đối với kinh tế Việt Nam

Cơ hội cho các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu trong xu thế dịch chuyển chuỗi cung ứng mới

Việt Nam đang đứng trước thời cơ lớn trong việc thu hút các chuỗi cung ứng toàn cầu, tăng cường năng lực sản xuất khi dòng vốn nước ngoài dịch chuyển ra khỏi Trung Quốc sau chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, đại dịch COVID-19 và đầu tư sang các nước khác theo chiến lược “Trung Quốc+1”.

Trong xu hướng dịch chuyển đầu tư, điều đáng chú ý là xu hướng dòng vốn công nghệ cao vào Việt Nam, đặc biệt trong ngành điện tử. Điều này có thể giải thích bởi một số nguyên nhân: Thứ nhất, ngành điện tử Trung Quốc chịu ảnh hưởng lớn sau chiến tranh thương mại Mỹ-Trung do Mỹ áp mức thuế cao với các mặt hàng xuất khẩu từ Trung Quốc, đặc biệt là hàng điện tử. Thứ hai, Việt Nam là lựa chọn tiềm năng nhờ năng lực sản xuất ngành điện tử ở Việt Nam đã được hình thành từ khá lâu nhờ các doanh nghiệp FDI đến từ Đông Á. Việt Nam hiện cũng đang là

một trong những nước xuất khẩu hàng điện tử và linh kiện điện tử lớn trên thế giới (năm 2020 lọt vào top 11 quốc gia lớn nhất thế giới).

Trong thời gian gần đây, không chỉ các tập đoàn điện tử đầu chuỗi như Apple, HP, Samsung vào Việt Nam, mà các doanh nghiệp cung ứng trong chuỗi cũng theo chân các tập đoàn lớn vào Việt Nam. Việc các tập đoàn điện tử lớn trên thế giới như Intel, Pegatron, Wiltron quan tâm tới Việt Nam, trong khi Samsung cũng đẩy mạnh kết nối với các doanh nghiệp cung ứng trong nước đang tạo điều kiện hình thành một hệ sinh thái điện tử công nghệ cao tại Việt Nam. Xu hướng các tập đoàn điện tử lớn trên thế giới vào Việt Nam sẽ giúp nâng cao vị thế của ngành điện tử Việt Nam trên thế giới. Không chỉ dịch chuyển sản xuất, Việt Nam còn là điểm đến đặt trung tâm R&D (*Research and Development- là quá trình nghiên cứu nhằm mục tiêu tạo ra cải tiến và sự đổi mới tích cực cho doanh nghiệp*).

Trong xu hướng đó, nếu các doanh nghiệp trong nước có thể nâng cao năng lực, kết nối được vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp điện tử nước, nội lực của Việt Nam sẽ được tăng cường. Tuy nhiên, để có thể tận dụng cơ hội, tham gia được vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI, Việt Nam cần khắc phục rất nhiều điểm nghẽn, đặc biệt là năng lực tài chính, công nghệ của các doanh nghiệp trong nước.

Bên cạnh đó, để thu hút FDI công nghệ cao, điều quan trọng nhất là chất lượng nguồn nhân lực. Theo các chuyên gia, hiện nay Việt Nam đang tham gia vào chuỗi cung ứng ngành điện tử chủ yếu ở khâu lắp ráp sản phẩm cuối cùng hoặc tích hợp linh kiện, do vậy không yêu cầu nhân lực trình độ cao. Tuy nhiên, khi các doanh nghiệp trong các phân khúc có giá trị cao hơn trong chuỗi giá trị vào Việt Nam, sẽ đòi hỏi nhân lực trình độ cao hơn.

5.2. Những thách thức của FDI

Nguy cơ doanh nghiệp FDI chuyển hướng sang các nước khác có nhiều lợi thế hơn

Xu thế tăng cường đầu tư vào các nước thân thiện về chính trị, xu thế các doanh nghiệp FDI ngành dệt may dịch chuyển đầu tư từ châu Á về gần thị trường Âu Mỹ và xu hướng dịch chuyển đầu tư ra khỏi Trung Quốc là cảnh báo đối với những rủi ro mà Việt Nam có thể đối mặt trong tương lai. Thực tế, ngành dệt may của Việt Nam đang chịu tác động tiêu cực bởi cạnh tranh về chi phí từ các nước như Ấn Độ, Bangladesh, khiến xuất khẩu giảm sút. Khi chi phí lao động tăng, các ngành thâm dụng lao động sẽ là những ngành chịu rủi ro lớn nhất. Điều này sẽ khiến nền kinh tế Việt Nam có nguy cơ bị tổn thương khi các doanh nghiệp nước ngoài rời đi một cách đột ngột.

Doanh nghiệp trong nước tiếp tục bị cạnh tranh nguồn lực bởi các doanh nghiệp nước ngoài

Những động thái chuyển dịch sản xuất, tăng cường đầu tư của các tập đoàn công nghệ lớn vào Việt Nam là dấu hiệu tích cực đối với thu hút FDI và tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam. Tuy nhiên, việc các doanh nghiệp FDI lớn mạnh cùng các doanh nghiệp cung ứng của họ vào Việt Nam có thể khiến doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục trở nên yếu thế. Doanh nghiệp nước ngoài không chỉ cạnh tranh nhân lực mà cả đất đai, hạ tầng với các doanh nghiệp FDI. Nguy cơ phụ thuộc vào XK và FDI có thể tăng lên nếu khu vực FDI tiếp tục mạnh lên và lấn át các DN trong nước.

6. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Tại Đại hội XIII (năm 2021), Đảng xác định rõ hơn nội hàm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế là: “Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước. Phát

triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước; giữ vững các cân đối lớn, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia. Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. *Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế.*” (Công Thương 2023).

Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ không đồng nghĩa với việc đóng cửa nền kinh tế, mà là nền kinh tế mở, gắn với hội nhập quốc tế, phát huy sức mạnh tổng hợp, cùng chiều của nội lực và ngoại lực... Để thực hiện thành công mục tiêu Đại hội XIII của Đảng đề ra, trong đó có xây dựng năng lực tự chủ của nền kinh tế, giảm phụ thuộc vào khu vực FDI, Việt Nam cần tập trung vào các giải pháp sau đây:

Một là, tăng cường năng lực sản xuất và XK của doanh nghiệp trong nước để khu vực kinh tế tư nhân trong nước có thể tăng cường vai trò trong nền kinh tế. Xây dựng một nền kinh tế tự cường trong hội nhập quốc tế dựa trên đội ngũ doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lớn mạnh, có đủ năng lực để hội nhập quốc tế một cách chủ động.

Hai là, củng cố và phát triển các ngành công nghiệp nền tảng như hóa chất, kim loại, năng lượng, khuyến khích các tập đoàn tư nhân trong nước mở rộng sản xuất kinh doanh trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo mũi nhọn. Chính phủ cần tiếp tục hỗ trợ các tập đoàn như Vingroup mở rộng sang các ngành công nghiệp ô tô, điện tử và công nghệ cao, với khả năng tự chủ phần lớn các khâu của quá trình sản xuất (nguyên liệu, linh kiện, lắp ráp, xuất khẩu). Đây là chiến lược quan trọng giúp doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh và đóng vai trò lớn hơn trong nền kinh tế về lâu dài.

Ba là, tận dụng xu hướng xanh hóa và phát triển bền vững chuỗi cung ứng để tăng cường cam kết, tạo dựng niềm tin của các đối tác nước ngoài vào mục tiêu phát triển bền vững của các doanh nghiệp Việt, từ đó tăng cường năng lực liên kết và tham gia vào chuỗi cung ứng của các DN FDI, khắc phục các điểm yếu và bất lợi về năng lực sản xuất cho các doanh nghiệp trong nước.

Bốn là, để giảm thiểu rủi ro dòng vốn FDI đột ngột rời đi nơi khác do xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu thường xuyên diễn ra, Việt Nam cần tạo ra và duy trì những lợi thế thu hút FDI mang tính bền vững, đó là những lợi thế không thể mai một mà ngày càng được gia cố, như chất lượng nguồn nhân lực, hiệu quả và chi phí của ngành Logistics, chất lượng cơ sở hạ tầng, nền tảng công nghệ, và năng lực sản xuất ngành công nghiệp chế biến chế tạo, đặc biệt là các ngành công nghệ cao như điện tử, bán dẫn. Đối với ngành dệt may đang đứng trước nguy cơ dòng vốn FDI dịch chuyển về gần thị trường Âu Mỹ, Việt Nam cần có sự cải cách theo hướng bền vững và đồng thời phù hợp với xu thế phát triển mới của thế giới là xu thế tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. Nhiều tập đoàn Mỹ không đặt hàng tại Bangladesh, do các yếu tố liên quan đến môi trường, bảo vệ người lao động... Bên cạnh đó, thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng trong nước vững mạnh, từ khâu nguyên liệu đến các hoạt động R&D.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alistair Dieppe và cộng sự (2021) , “What Explains Productivity Growth”, World Bank group, ISBN: 978-1-4648-1608-6, e-ISBN: 978-1-4648-1609-3.
- Bình Minh (2023), “Báo Trung Quốc: Nhiều công ty chuyển nhà máy đến Việt Nam để đáp ứng đơn hàng tốt hơn”, *Tạp chí điện tử Thời báo kinh tế Việt Nam*.
- Công Thương (2023), “Nâng cao năng lực nội sinh, tự lực, tự cường của nền kinh tế Việt Nam”, <https://congthuong.vn/nang-cao-nang-luc-noi-sinh-tu-luc-tu-cuong-cua-nen-kinh-te-viet-nam-273974.html>.
- Gia Cư (2022), “Khu vực FDI chiếm 72% tổng giá trị XK, nhưng hiệu ứng lan tỏa thấp”, *Thời báo Tài chính Việt Nam*, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/khu-vuc-fdi-chiem-72-tong-gia-tri-xuat-khau-nhung-hieu-ung-lan-toa-thap-106903.html>.
- Gyorgy Sziraczki (2015), “Why is labour productivity important in economic integration?”, https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS_340867/lang--en/index.htm.
- Jeremy Mark and Dexter Tiff Roberts (2023), “United States-China semiconductor standoff: A supply chain under stress”, truy cập tại địa chỉ <<https://www.atlanticcouncil.org/in-depth-research-reports/issue-brief/united-states-china-semiconductor-standoff-a-supply-chain-under-stress/>>.
- Kentor, J., & Boswell, T. (2003). Foreign Capital Dependence and Development: A New Direction. *American Sociological Review*, 68(2), 301. doi:10.2307/1519770.
- Khuong Nha (2022), “Người Trung Quốc tranh cãi vì Xiaomi làm smartphone ở Việt Nam”, *Báo Điện tử Vnexpress*, tháng 7/2022.
- Lê Hồng Hiệp (2020), “Sự phụ thuộc quá mức của Việt Nam vào xuất khẩu và FDI”, <https://nghiencuuquocte.org/2020/09/08/su-phu-thuoc-qua-muc-cua-viet-nam-vao-xuat-khau-va-fdi/>
- Nguyen, H.V.; Phan, T.T.; Lobo, A. Debunking the Myth of Foreign Direct Investment toward Long-Term Sustainability of a Developing Country: A Transaction Cost

- Analysis Approach. Sustainability 2019, 11, 4569. <https://doi.org/10.3390/su11174569>. <<https://todaysmedicaldevelopments.com/news/reshoreing-fdi-up-fifty-three-percent-2022/>>.
- OpenStax Economics, Principles of Economics. OpenStax CNX. May 18, 2016 <http://cnx.org/contents/69619d2b-68f0-44b0-b074-a9b2bf90b2c6@11.330>.
- Reshoring Initiative® (2022), “IRA and Chips Act Boost Reshoring to Another All-Time High, Up 53%”, Reshoring Initiative 2022 Data Report, truy cập tại địa chỉ
- Tiến Thanh (2023), “Chuỗi cung ứng dệt may dịch chuyển”, *Trang tin điện tử Đầu tư chứng khoán*, truy cập tại địa chỉ <<https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/chuoi-cung-ung-det-may-dich-chuyen-post320542.html>>.
- Yicaiglobal (2023), “More Chinese Manufacturers Shift Production to Vietnam to Better Meet Overseas Orders”.

TRENDS OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT (FDI) AND BUILDING AN INDEPENDENT AND AUTONOMOUS ECONOMY IN VIETNAM

Phan The Cong^{1*}, Nguyen Doan Trang², Vu Thi Hanh Tam³

¹Thuongmai University

²Development Strategy Institute

³Dong Nai Technology University

* Corresponding author: Phan The Cong, email: congpt@tmu.edu.vn

GENERAL INFORMATION

Received date: 01/11/2023

Revised date: 04/12/2023

Published date: 08/12/2023

KEYWORD

Supply chain;

Independent and self-reliant economy;

Depends on FDI.

ABSTRACT

The trend of shifting global supply chains after the COVID-19 pandemic and recent world geopolitical fluctuations gives Vietnam many opportunities to attract foreign investment, especially foreign direct investment (FDI). This would contribute to improving technological and domestic production capacity, strengthening the supply chains of some key industries, but also increasing the risk of reducing domestic economy's independence and autonomy of the domestic economy and increasing its vulnerability to the changes in global supply chains. The article focuses on clarifying the impact of FDI shifts on Vietnam's self-reliance capacity, forecasting the shifting trends of the global supply chains and its impacts on the ability to be independent, self-reliant, and improve resilience of our country's economy. On that basis, appropriate solutions have been proposed to build an independent and self-reliant Vietnamese economy.

